TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 213/2024/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 12 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 208/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu:*

- Ông **Lương Kim T**, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Xóm I, thôn K, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Bà **Nguyễn Thị Phương T1**, sinh năm 1998. Nơi ĐKHKTT: xóm I, thôn K, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Tạm trú tại: K98 L, tổ A phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2024, người yêu cầu là ông Lương Kim T và bà Nguyễn Thị Phương T1 đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Lương Kim T và bà Nguyễn Thị Phương T1 đăng ký kết hôn năm 2020, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 20/11/2020).

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng đầu 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường phát sinh cãi vả, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau từ ngày 16/01/2023 đến nay. Nay

ông bà đều xác định không còn tình cảm gì với nhau và đã thuận tình ly hôn nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: ông Lương Kim T và bà Nguyễn Thị Phương T1 xác định vợ chồng có 01 con chung là Lương Kim Triều V, sinh ngày 19/12/2020. Ly hôn, ông bà thoả thuận về việc nuôi con như sau:

Giao con chung Lương Kim Triều V, sinh ngày 19/12/2020 cho bà Nguyễn Thị Phương T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lương Kim T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi con Lương Kim Triều V đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15/9/2024.

Bên không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về tài sản chung: ông Lương Kim T và bà Nguyễn Thị Phương T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: ông Lương Kim T và bà Nguyễn Thị Phương T1 xác định vợ chồng không có nợ chung.

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng; ông Lương Kim T và bà Nguyễn Thị Phương T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002845 ngày 27/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: ông Lương Kim T và bà Nguyễn Thị Phương T1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 68 do Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định cấp ngày 20/11/2020) không còn giá trị pháp lý).

* Về con chung: ông Lương Kim T và bà Nguyễn Thị Phương T1 xác định vợ chồng có 01 con chung là Lương Kim Triều V, sinh ngày 19/12/2020. Ly hôn, ông bà thoả thuận về việc nuôi con như sau:

Giao con chung Lương Kim Triều V, sinh ngày 19/12/2020 cho bà Nguyễn Thị Phương T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lương Kim T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi con Lương Kim Triều V đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15/9/2024.

Bên không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

* Về tài sản chung: Ông Lương Kim T và bà Nguyễn Thị Phương T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung.

* Về nợ chung: Ông Lương Kim T và bà Nguyễn Thị Phương T1 xác định vợ chồng không có nợ chung.

2. Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng; ông Lương Kim T và bà Nguyễn Thị Phương T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002845 ngày 27/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận S;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa